

Bản án số: 198/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Mai Thị Thảo**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1994;

ĐKHKTT: **Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương**.

Nơi ở hiện nay: **Thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình**.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thu B**, sinh năm 1988;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương**; Nơi ở hiện nay: **Đài Loan**.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1953; địa chỉ: **Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương**.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Phạm Thị L** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Thu B** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 06/01/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh **B** chơi bời không chịu khó làm ăn, bên cạnh đó anh còn ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn gia đình không hòa giải được nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2017 cho đến nay. Năm 2020 anh **B** đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau, hai bên gia đình đã hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Nguyễn Thu B**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Nguyễn Bảo N**, sinh ngày 06/8/2013, hiện con đang ở với ông bà nội. Chị đề nghị Tòa án giao con **Nguyễn Bảo N** cho anh **B** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi), chị và anh **B** tự thống nhất thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh **B** không có mặt ở Việt Nam, chị đề nghị giao con cho ông **Nguyễn Văn H** (ông nội cháu **N**) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh **B** về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị **L** không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh **B** nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh **B**. Ông **Nguyễn Văn H** (là bố anh **B**) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh **B** ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh **B** vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh **B** biết. Anh **B** xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị **L** có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị **L** trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Bảo N** cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho bố đẻ là ông **Nguyễn Văn H** thay anh chăm sóc con **Nguyễn Bảo N** cho đến khi anh về nước. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ngoài ra, ông **Nguyễn Văn H** là bố đẻ anh **B** trình bày: Sau khi kết hôn anh **B**, chị **L** chung sống với nhau tại gia đình ông, vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì chị **L** đi lao động tại Nhật Bản, sau đó anh **B** cũng đi lao động tại

Đài Loan. Khi về nước chị **L** về nhà bố mẹ đẻ ở, anh **B** hiện chưa về nước, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi. Nay chị **L** có đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Anh **B** chị **L** có 01 con chung như anh chị trình bày là đúng, ông nhất trí có trách nhiệm chăm sóc cháu **Nguyễn Bảo N** cho đến khi anh **B** về nước.

Con chung của chị **L**, anh **B** là cháu **Nguyễn Bảo N** có nguyện vọng được ở với anh **B** và ông **H**.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị **L**, anh **B** đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị **L** và anh **B** có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương, quá trình chung sống được một thời gian thì anh chị cùng đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không có sự gặn gũ, gấn bó. Khi về nước chị **L** không về sống tại gia đình nhà chồng mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị **L** có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị L** ly hôn anh **Nguyễn Thu B**; về con chung: Giao con chung **Nguyễn Bảo N** cho anh **B** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh **B** không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng tiền nuôi con chung; tạm giao cháu **Nguyễn Bảo N** cho ông **Nguyễn Văn H** chăm sóc cho đến khi anh **B** về nước. Chị **L** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Phạm Thị L** hiện đang cư trú tại **thôn B, xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình**, bị đơn anh **Nguyễn Thu B** có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại **thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương**. Hiện anh chị đang lao động, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **L** không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh **B**. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình

anh **B** cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **H** là bố đẻ anh **B** để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị **L** và anh **B**, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông **H** vẫn liên lạc với anh **B** và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị **L** và anh **B**. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị L** và anh **Nguyễn Thu B** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **N**, huyện **T**, tỉnh **Hải Dương** ngày 06/01/2013 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị **L** và anh **B** đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh chị cùng có thời gian đi lao động ở nước ngoài nhưng mỗi người đi một nước khác nhau, vợ chồng không sống gần nhau và không quan tâm đến nhau nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị **L** có đơn xin ly hôn, anh **B** cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **L** và anh **B** đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị **L** ly hôn anh **B**.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của chị **L** và anh **B** là **Nguyễn Bảo N**, sinh ngày 06/8/2013, hiện đang ở với ông nội là ông **Nguyễn Văn H**. Chị **L** và anh **B** thống nhất giao con chung cho anh **B** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi), anh **B** không yêu cầu chị **L** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh **B** không có mặt ở Việt Nam, anh chị thống nhất giao con chung cho ông **H** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh **B** về nước. Ông **Nguyễn Văn H** nhất trí thay anh **B** chăm sóc cháu **Nguyễn Bảo N**. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung cho anh **B** chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh **B** không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu **Nguyễn Bảo N** cho ông **Nguyễn Văn H** chăm sóc cho đến khi anh **B** về nước.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **L**, anh **B** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Phạm Thị L** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị L**, xử cho chị **Phạm Thị L** ly hôn anh **Nguyễn Thu B**.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh **Nguyễn Thu B** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Nguyễn Bảo N**, sinh ngày 06/8/2013 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh **B** không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu **Nguyễn Bảo N** cho ông **Nguyễn Văn H** chăm sóc cho đến khi anh **B** về nước.

Chị **Phạm Thị L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Phạm Thị L** phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000566 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị **L** đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Phạm Thị L** và ông **Nguyễn Văn H** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh **Nguyễn Thu B** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu

